

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 199-V01/TPP-CTY/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BỘ NẠO CẮT RAU CỦ ĐA NĂNG YOKO**

2. Thành phần: Nhựa ABS, Nhựa PP, Thép SUS304, hạt màu, phụ gia kháng khuẩn (Ag+)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 16 cái / thùng carton.

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

• Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

• Sản xuất tại:

+ Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh).

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

+ Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam.

Trụ sở: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy sản xuất: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (được mã hóa là Nhà máy Đồng Nai 2).

+ Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Long An (được mã hóa là Nhà máy Long An).

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

- QCVN 12-3:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: Bộ nạo cắt rau củ đa năng Yoko
Mã sản phẩm: HIN.BONC.YOKO
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C)
tương ứng (329 x 135 x 115) mm
Khối lượng tịnh: 542 g
Thành phần: Nhựa ABS, nhựa PP, thép SUS304, hạt màu,
phụ gia kháng khuẩn (Ag+)
Bộ sản phẩm bao gồm: Bộ bảo vệ, bàn thái, rổ rửa, hộp đựng và 6 lưỡi dao thái cắt
củ quả đa năng
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để nạo, cắt, gọt, thái rau củ quả kết hợp vừa cắt vừa rửa
tiện dụng
Chịu nhiệt từ -20°C -> 90°C
Không sử dụng sản phẩm để nấu nướng hay hâm nóng trong
lò vi sóng
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp. Tay cầm bảo vệ có dính nhện,
cần lưu ý để sản phẩm tránh xa tầm tay của trẻ em. Không nên
tách rời chi tiết đó khỏi bộ sản phẩm

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích,
Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Nơi sản xuất được mã hóa:

Nhà máy Bắc Ninh

Nhà máy Hồ Chí Minh

Nhà máy Long An

SX 05/2023
Sản xuất tại Việt Nam



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00008256	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-011505-01-VI / EUVNHC-00251613	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM	
314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú	
TP.HCM, Việt Nam	

Tên mẫu :	Bộ nạo cắt rau củ đa năng Yoko
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	18/01/2024
Thời gian thử nghiệm :	18/01/2024 - 25/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	25/01/2024
Mã số PO của khách hàng :	N6IK2401182162

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa PP)					
1	VD750 VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.08)	100
2	VDBHK VD (a) Cadmi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
3	VD755 VD (a) Kim loại nặng quy Pb (Acid Acetic4%, 60°C, 30phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
4	VD2K3 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	10
5	VD759 VD (a) Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
6	VD760 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
7	VD761 VD (a) Cặn khô (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
8	VD762 VD (a) Cặn khô (A.acetic 4% 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa ABS)					
9	VD751 VD (a) Cadmi (Cd)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
10	VDUVY VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	QCVN 12-1:2011/BYT; AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.25)	100
11	VDBHL VD (a) Kim loại nặng quy Pb (Acid Acetic4%, 60°C, 30phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
12	VD295 VD (a) Lượng KMnO4 sử dụng (Nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-1:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	10
Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox SUS 304)					
13	VD770 VD (a) Arsenic (As) (nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.2
14	VD771 VD (a) Arsenic (As) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox SUS 304)					
15	VD773 VD (a) Cadimi (Cd) (nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.1
16	VD774 VD (a) Cadimi (Cd) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.1
17	VD776 VD (a) Chì (Pb) (nước, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.4
18	VD777 VD (a) Chì (Pb) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.4

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa PP)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng 1 và bảng 5.

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Nhựa ABS)" phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm) tại bảng 1.

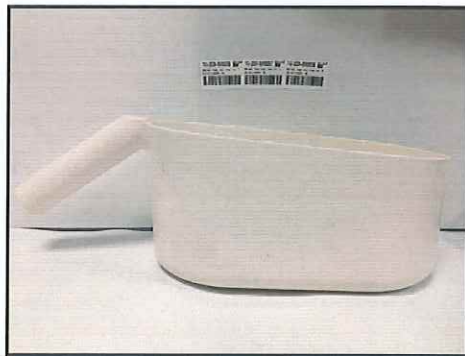
Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Thành phần bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (Inox SUS 304)" phù hợp với QCVN 12-3:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Thông tin thành phần vật liệu tiếp xúc thực phẩm do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC

Thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm Components contact directly with food

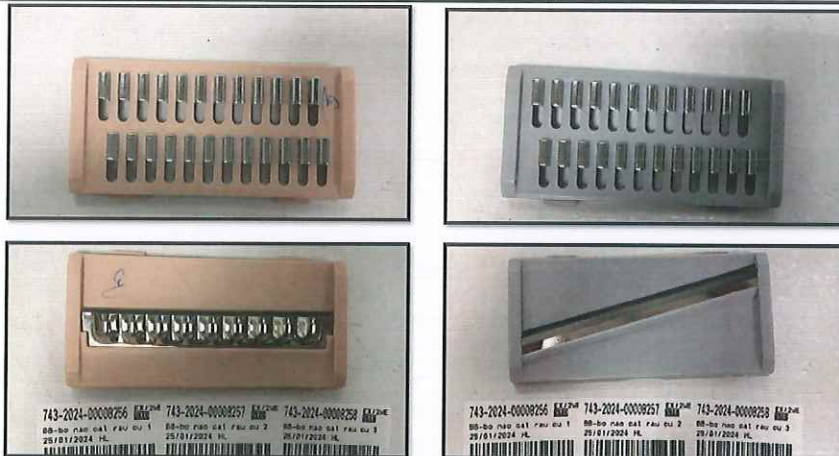


Nhựa ABS (ABS plastic)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC

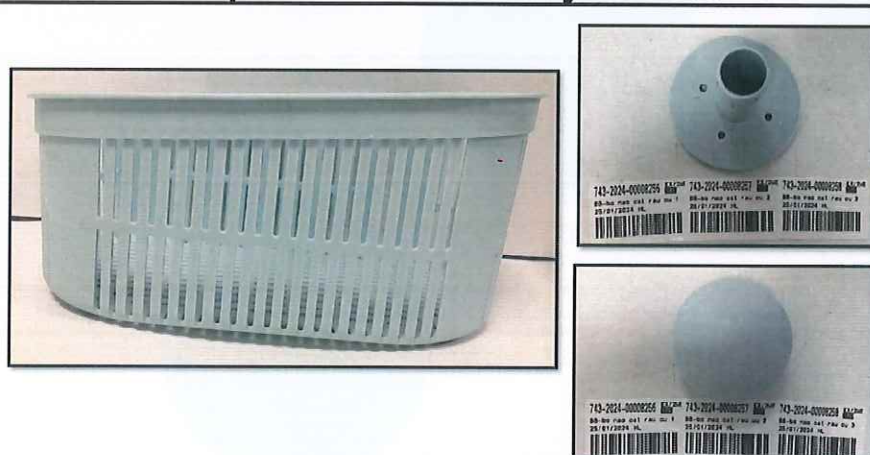
Thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
Components contact directly with food



Nhựa ABS + Inox SUS 304 (ABS plastic + Inox SUS 304)

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC

Thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
Components contact directly with food



Nhựa PP (PP plastic)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC

Thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
Components contact directly with food



Nhựa PP + Inox SUS 304 (PP plastic + Inox SUS 304)

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
 Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/02/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 27/02/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.